



BỘ CÔNG THƯƠNG

VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

HỘI THẢO VỀ VIỆC ĐÀM PHÁN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - HÀN QUỐC

Hải Phòng, 23/1/2013

**QUAN HỆ HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM – HÀN QUỐC VÀ VIỆC ĐÀM
PHÁN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – HÀN QUỐC**

**Võ Thanh Hà
Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương
Bộ Công Thương**

Mục lục

- 1** Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)
- 2** Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước
- 3** Đàm phán Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc
- 4** Ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp hai nước

Phần 1: Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)

Giá trị

- ✓ Sớm hoàn thành mục tiêu đưa kim ngạch thương mại song phương lên mức 20 tỷ USD trước năm 2015 và hướng tới mục tiêu 30 tỷ USD vào thời gian tới.
- ✓ Nỗ lực hợp tác vì sự cân bằng cán cân thương mại
- ✓ Hợp tác toàn diện trong lĩnh vực công nghiệp, trong đó coi trọng hợp tác kỹ thuật công nghiệp, công nghiệp phụ trợ.



10/2009
Nâng cấp quan hệ lên thành
“Đối tác hợp tác chiến lược”.

8/2001

Thiết lập quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ 21

22/12/1992

Thiết lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ

Việt Nam và Hàn Quốc còn tích cực hợp tác trong khuôn khổ đa phương như ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN+3, ASEAN+6, các diễn đàn APEC, WTO,... Đặc biệt, năm 2007, Việt Nam và các nước ASEAN khác đã ký một FTA với Hàn Quốc (AKFTA).

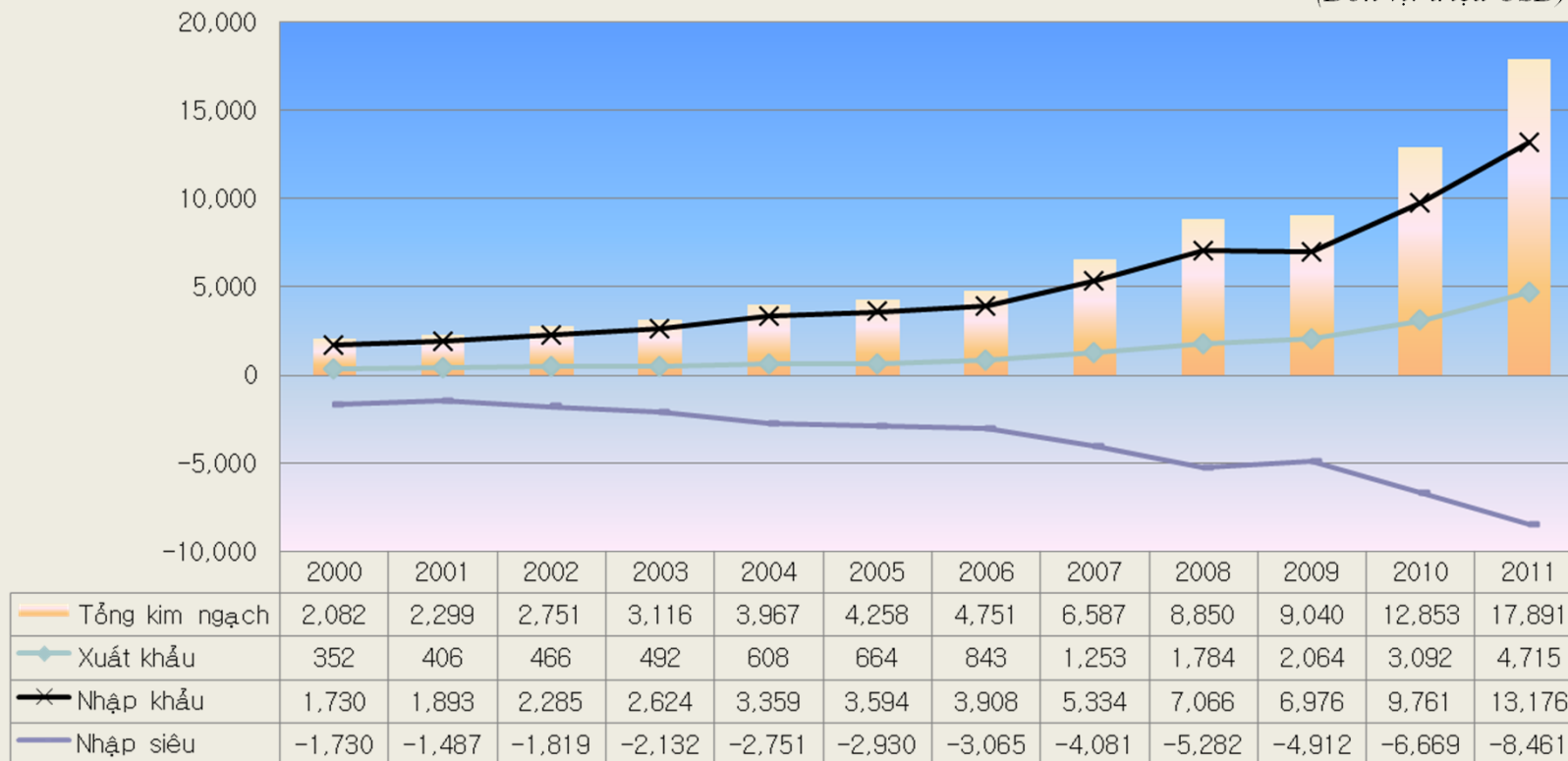
4
Thời gian

Phần 1: Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)

Tình hình quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc

Quan hệ thương mại song phương tăng trưởng đáng kể trong 2 thập kỷ qua. Thương mại hai chiều đã tăng từ 0,5 tỷ USD năm 1992 lên 18 tỷ USD năm 2011, tăng 36 lần trong 19 năm qua. Tính đến 11 tháng năm 2012, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam, và Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 của Hàn Quốc.

(Đơn vị: triệu USD)



(Nguồn: Tổng Cục Hải quan)

Phần 1: Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu dệt may, da giày, xăng dầu, sắt thép, chất dẻo, hóa chất, phương tiện vận tải...



Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là khoáng sản, nguyên liệu thô, hàng nông lâm thủy sản, dệt may, giày dép, đồ gỗ...

Đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc là cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu có tính bổ sung rõ nét, cơ bản không cạnh tranh trực tiếp.

Phần 1: Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)

Tình hình đầu tư FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam

(đơn vị: triệu USD)

TT	Đối tác đầu tư	Lũy kế đến 20/11/2012			01/1~15/12/2012		
		Số dự án	Vốn đầu tư đăng ký	Vốn thực hiện	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới	Vốn đăng ký tăng thêm
1	Nhật Bản	1827	29,146	8,403	270	4,007	1,131
2	Đài Loan	2268	26,428	10,222	52	192	261
3	Hàn Quốc	3186	24,795	8,549	243	757	421
4	Singapore	1099	24,671	7,092	89	488	1,239
5	BritishVirginIslands	522	16,032	5,429	19	96	692
6	Hồng Kông	700	11,996	3,914	43	549	108
7	Malaysia	433	11,368	3,839	37	116	109
8	Hoa Kỳ	639	10,468	2,502	35	68	57
9	Cayman Islands	54	7,506	1,552	1	4	-
10	Thái Lan	298	6,006	2,687	23	73	104
	Tổng số	14,489	213,651	72,562	1,100	7,854	5,159

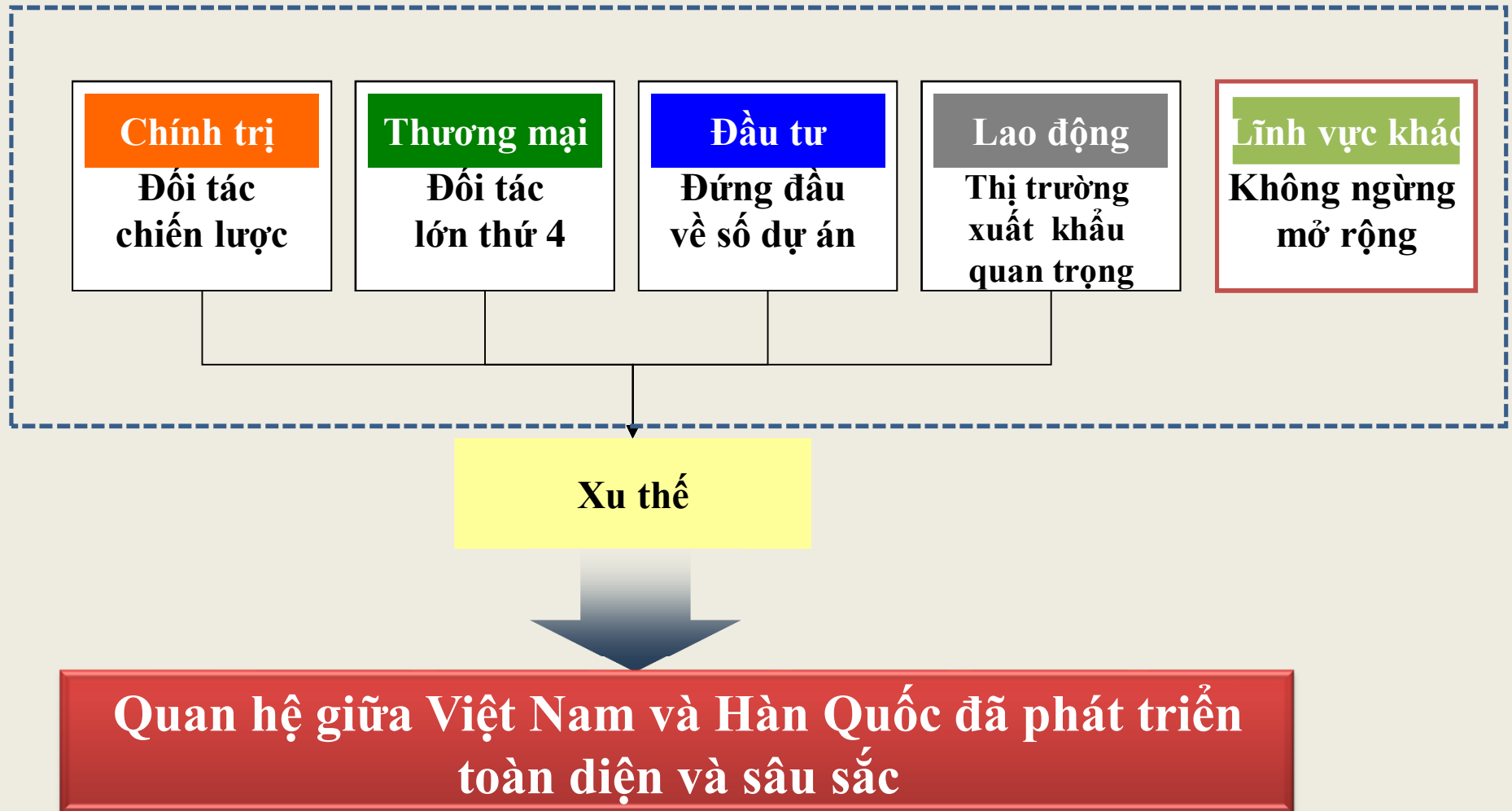
Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tính đến 20/11/2012

Phần 1: Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)

Việt Nam là nước nhận viện trợ phát triển chính thức (ODA) lớn nhất của Hàn Quốc và Hàn Quốc cũng là nước cung cấp ODA lớn thứ 2 cho Việt Nam. Năm 2009, Hàn Quốc đã tài trợ cho Việt Nam 205 dự án, trị giá 62,21 triệu USD.

Hàn Quốc là thị trường quan trọng hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu lao động. Tính đến năm 2011 có khoảng 60.000 người lao động Việt Nam tại Hàn Quốc

Phần 1: Đánh giá tổng quan quan hệ đối tác hợp tác chiến lược giữa Việt Nam và Hàn Quốc (từ năm 1992- đến nay)



Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

② Hiệp định thương mại dịch vụ

(ký tháng 11/2007,
có hiệu lực từ tháng 5/2009)



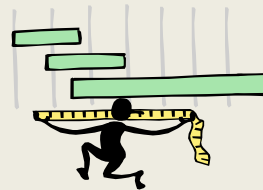
③ Hiệp định đầu tư

(ký tháng 6/2009,
có hiệu lực từ tháng 9/2009)



① Hiệp định thương mại hàng hóa

(ký tháng 8/2006,
có hiệu lực từ tháng 6/2007)



Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Thương mại hàng hóa

- Tóm tắt cam kết



Việt Nam cam kết giảm và cắt bỏ hoàn toàn hầu hết các dòng thuế trong danh mục NT vào năm 2016, chậm hơn 6 năm so với các nước ASEAN 6 và Hàn Quốc, với một số dòng thuế có thời hạn cắt giảm linh hoạt đến năm 2018.



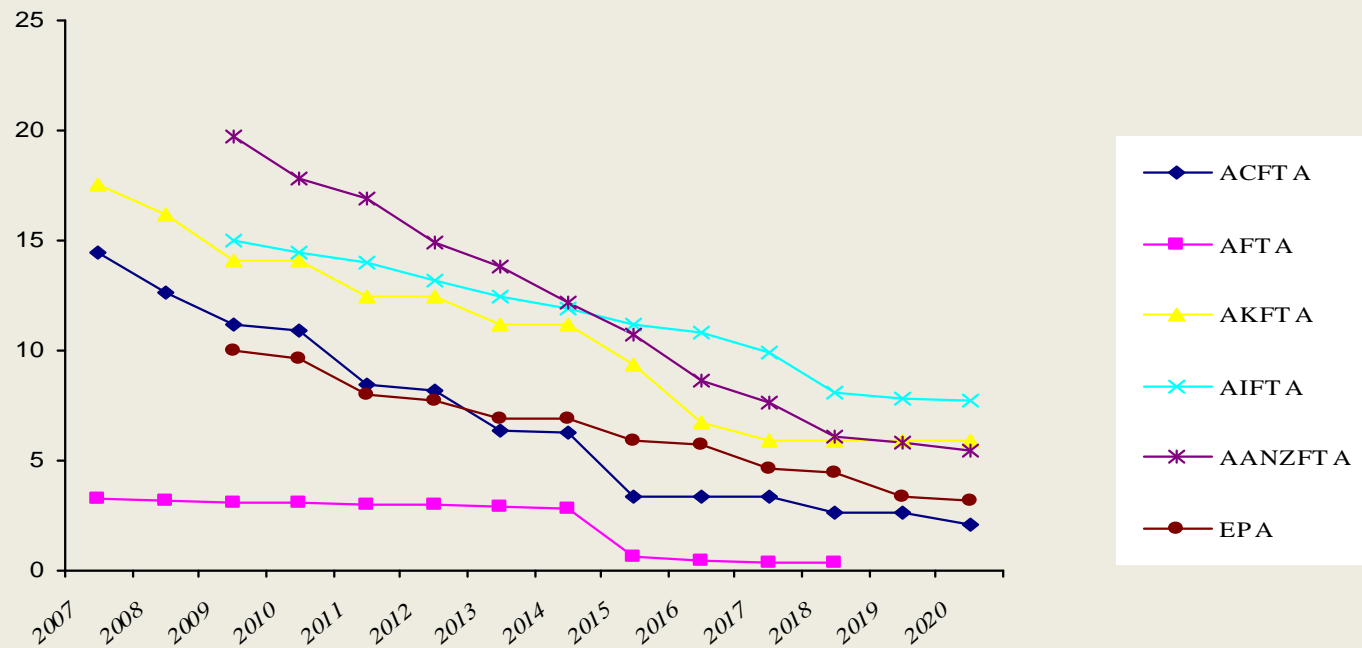
Việt Nam cam kết giảm tất cả các dòng thuế SL xuống còn 20% không chậm hơn năm 2017 và sau đó xuống còn 0 – 5% không chậm hơn năm 2021. Về phía Hàn Quốc (và ASEAN 6), lộ trình ngắn hơn, tương ứng là năm 2012 và năm 2016.



Đối với Việt Nam, thời hạn thực hiện Lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam chậm hơn 6 năm so với các nước ASEAN 6 (thời hạn này trong đàm phán ASEAN-Trung Quốc là 5 năm). Lịch trình cắt giảm, loại bỏ thuế quan theo Lộ trình NT của Việt Nam cũng linh hoạt hơn so với ASEAN 6 và Hàn Quốc cả về mức độ lẫn thời gian cắt giảm.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Biểu đồ so sánh thuế suất bình quân giản đơn theo cam kết trong AKFTA và các Hiệp định FTA ASEAN+ khác



Nguồn: Lập theo số liệu của Bộ Tài chính.

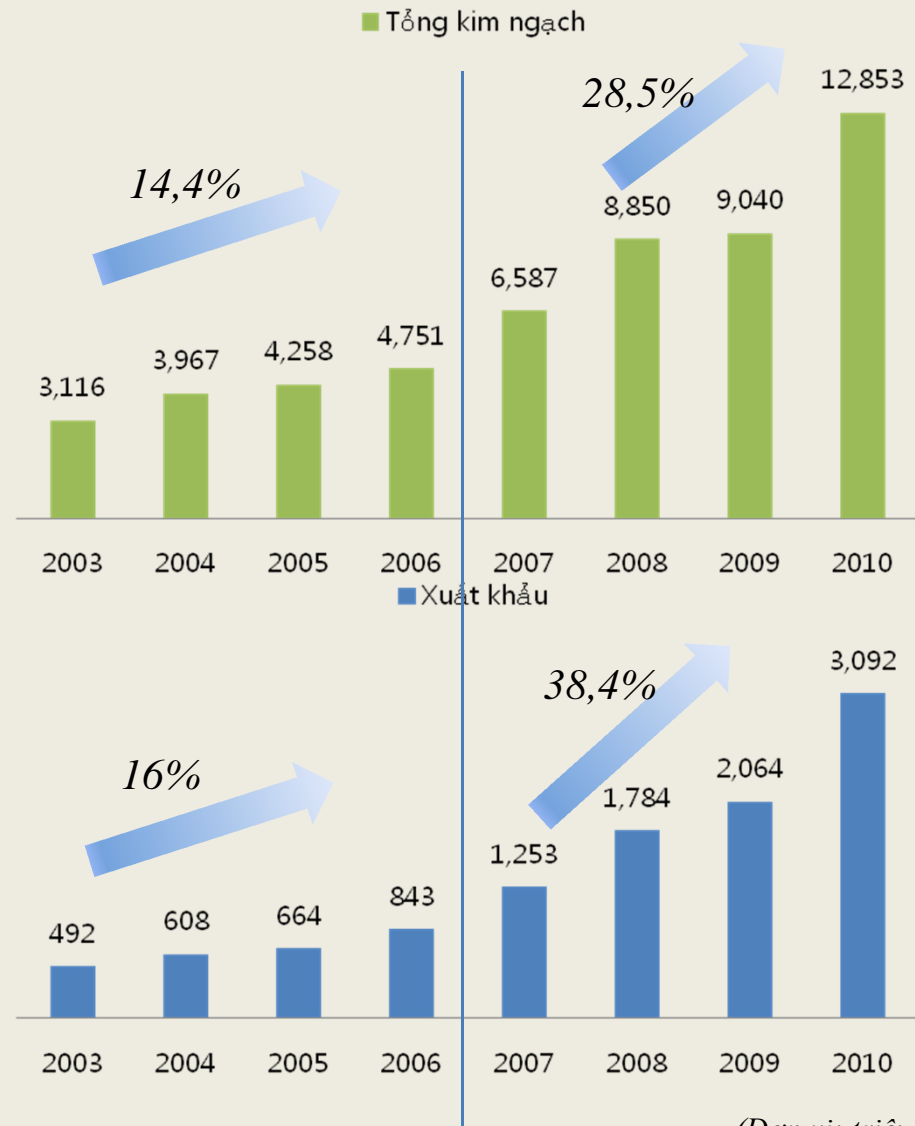
Cam kết trong AKFTA cao hơn cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định FTA ASEAN+ khác và thấp hơn so với ACFTA

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

- Đánh giá tác động

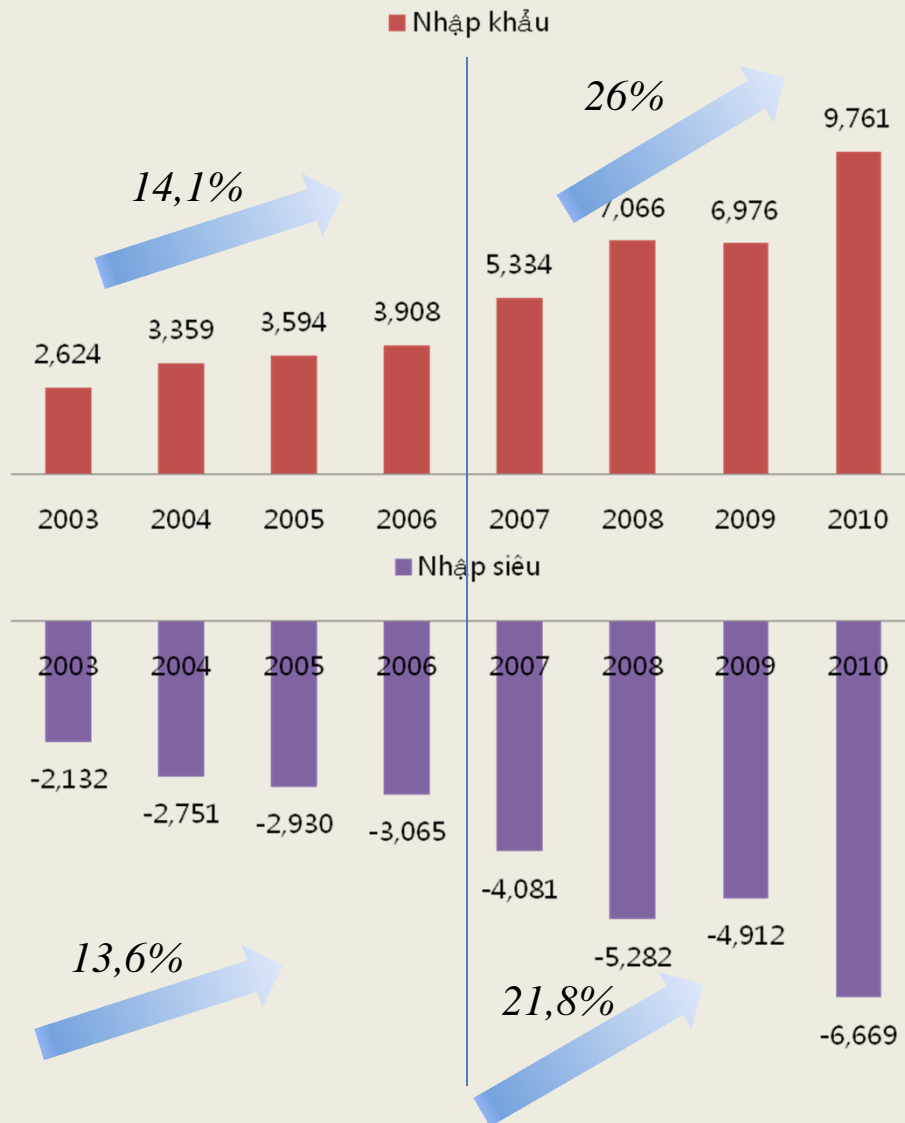
• Trong giai đoạn 2003 – 2006, tổng giá trị trao đổi thương mại Việt Nam – Hàn Quốc tăng trung bình 14,4%/năm trong khi đó trong giai đoạn 2007 – 2010 con số này là 28,5% .

• Xét về xuất khẩu, tốc độ tăng trưởng hàng năm của Việt Nam tăng từ mức trung bình 16% trong giai đoạn 2003 – 2006 lên 38,4% trong giai đoạn 2007 – 2010



(Đơn vị: triệu USD, %)

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư (t.t.)



• Về mặt nhập khẩu, tăng trưởng nhập khẩu cũng tăng từ mức trung bình 14,1% trong giai đoạn 2003 – 2006 lên mức 26% trong giai đoạn 2007 – 2010.

• Trong khi đó, tốc độ tăng thâm hụt thương mại của Việt Nam với Hàn Quốc cũng tăng từ mức trung bình 13,6% giai đoạn 2003 - 2006 lên 21,8% giai đoạn 2007 – 2010.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư (t.t.)

- Đánh giá tác động

AKTIG

Trao đổi thương mại

- Trao đổi thương mại song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã cải thiện đáng kể, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng. Cùng với đó, mất cân bằng cán cân thương mại cũng mở rộng.

Thâm hụt thương mại

- Tuy nhiên, tỷ lệ thâm hụt thương mại của Việt Nam trên tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc đã giảm trong cùng thời kỳ.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Thương mại dịch vụ

- Tóm tắt cam kết

Việt Nam

• Việt Nam mở cửa thị trường dịch vụ cho Hàn Quốc ở 11 lĩnh vực và khoảng gần 110 tiểu lĩnh vực trong tổng số 12 lĩnh vực và 155 tiểu lĩnh vực theo phân loại của WTO, bao gồm: (i) Dịch vụ kinh doanh, (ii) Dịch vụ viễn thông, (iii) Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ cơ khí liên quan, (iv) Dịch vụ phân phối, (v) Dịch vụ giáo dục, (vi) Dịch vụ môi trường, (vii) Dịch vụ tài chính, (viii) Dịch vụ xã hội và liên quan đến y tế, (ix) Dịch vụ liên quan đến du lịch và lữ hành, (x) Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, (xi) Dịch vụ vận tải.

Hàn Quốc

• Hàn Quốc cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cho ASEAN trong 11 lĩnh vực và khoảng gần 110 tiểu lĩnh vực, bao gồm: (i) Dịch vụ kinh doanh, (ii) Dịch vụ viễn thông, (iii) Dịch vụ xây dựng, (iv) Dịch vụ phân phối, (v) Dịch vụ giáo dục (vi) Dịch vụ môi trường, (vii) Dịch vụ tài chính, (viii) Dịch vụ liên quan đến du lịch và lữ hành, (ix) Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, (x) Dịch vụ vận tải, và (xi) Các dịch vụ khác không được phân nhóm.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

- Đánh giá tác động

AKTIS

**Cải thiện tính minh bạch,
tính có thể dự đoán**

**Nhân tố hỗ trợ cho
thương mại hàng hóa**

**Nâng cao khả năng cạnh tranh
của các nhà cung cấp
dịch vụ trong nước**

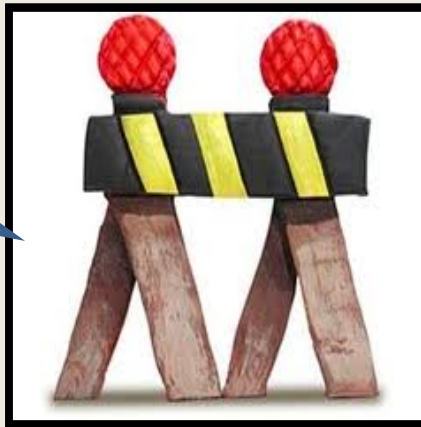
**Góp phần
mở rộng
thương mại
song phương**

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

- Đánh giá tác động

Cam kết của Hàn Quốc trong AKTIS theo hướng cao như trong WTO/DDA cộng

Năng lực cạnh tranh hạn chế hoặc tại thời điểm này, doanh nghiệp VN không có khả năng tận dụng các cam kết mở cửa thị trường



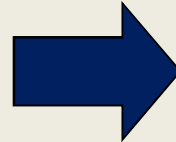
➤ Các nhà cung cấp dịch vụ của Việt Nam vẫn chưa được hưởng lợi từ các cam kết của Hàn Quốc.

➤ Trong khi đó các nhà cung cấp dịch vụ Hàn Quốc đã cung cấp và có sức cạnh tranh ở một số lĩnh vực như bảo hiểm, ngân hàng, vận tải hàng không, logistics...

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

- Đánh giá tác động

Một số lĩnh vực cụ thể
trong TIS



Có nhiều tiềm năng tạo ra các tác động rõ ràng đối với thương mại hàng hóa

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Đầu tư

- Tóm tắt cam kết

Tương tự các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư khác và chương đầu tư trong các hiệp định thương mại tự do, Hiệp định đầu tư không chỉ điều chỉnh các nghĩa vụ bảo hộ đầu tư cơ bản mà còn cả các nội dung sâu hơn của bảo hộ. Tuy nhiên, Hiệp định đã hoãn áp dụng một số nội dung, ví dụ quy định đối xử quốc gia (NT), tối huệ quốc (MFN), và việc cấm đưa ra các yêu cầu về kết quả hoạt động.

- Đánh giá tác động

Các vấn đề khác của Hiệp định đầu tư đã có hiệu lực như cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư, quốc hữu hóa và đền bù thiệt hại, đối xử công bằng, bảo hộ và an ninh tuyệt đối, quyền của nhà đầu tư trong việc chuyển tiền, v.v... đã thực sự đảm bảo một cơ chế bảo hộ đầu tư cần thiết cho các nhà đầu tư.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Đầu tư

- *Đánh giá tác động*

Đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam tăng mạnh từ năm 2006. Năm 2012, Hàn Quốc là nhà đầu tư đứng thứ nhất xét theo số dự án FDI. Tuy nhiên, khó có thể đánh giá các tác động trực tiếp của Hiệp định đầu tư đối với trao đổi đầu tư song phương do sự phức tạp của các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, bao gồm việc tự do hóa đơn phương trong nội luật của nước tiếp nhận đầu tư, trình độ phát triển kinh tế, chất lượng cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực, v.v...

Trong thời điểm hiện tại, lộ trình cam kết chi tiết vẫn chưa được hai bên thảo luận và việc áp dụng các nghĩa vụ tiếp cận thị trường như NT, MFN, hay PR vẫn chưa có hiệu lực. Nếu Hàn Quốc và ASEAN kết thúc các cuộc thảo luận sau đó, Hiệp định đầu tư sửa đổi sẽ tạo ra một môi trường pháp lý ổn định và minh bạch hơn cho nhà đầu tư của các bên ký kết, bao gồm các nhà đầu tư của cả Hàn Quốc và Việt Nam.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Đầu tư

- *Đánh giá tác động*

Cần phải thấy rằng tác động của Hiệp định đầu tư đối với môi trường đầu tư ở Việt Nam phụ thuộc đáng kể vào các yếu tố bên ngoài hơn là vào bản thân các cam kết trong hiệp định. Các yếu tố này bao gồm:



Bản chất của đầu tư



Chất lượng thực tại của môi trường đầu tư ở Việt Nam



Vị trí địa lý và năng lực cạnh tranh so với các quốc gia khác trong khu vực

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Đầu tư

- *Đánh giá tác động*

Mặc dù Hiệp định đầu tư của AKFTA đã có hiệu lực, mức độ tự do hóa và bảo hộ dành cho nhà đầu tư của hai bên vẫn còn hạn chế do các yếu tố đề cập bên trên.

Việc đàm phán, ký kết một FTA Việt Nam – Hàn Quốc sẽ mở rộng hơn nữa đầu tư của các công ty Hàn Quốc tại Việt Nam và tạo cơ sở cho đầu tư của các công ty Việt Nam ở Hàn Quốc trong tương lai.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Các vấn đề khác

- Tác động của các biện pháp SPS đối với thương mại lâm nông thủy sản Việt Nam – Hàn Quốc

(Đơn vị: triệu USD, %)

Mặt hàng	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012 (ước tính)
Thủy sản	302	312 (+3,3)	388 (+24,3)	490 (+26,1)	506 (+3,2)
Cà phê	83	46 (-44,5)	51 (+10,8)	66 (+28,9)	74 (+11,5)
Hạt tiêu	5,9	5,3 (-10,2)	8,4 (+58,4)	14 (+61,9)	19 (+43,1)
Rau, hoa quả	11	8,4 (-23,6)	11,4 (+35,7)	19 (+64,3)	22 (+14,6)
Cao su	63	40 (-36,5)	97 (+142,5)	130 (+33,1)	114 (-12,6)
Gỗ và SP gỗ	102	95 (-6,8)	138 (+45,2)	183 (+32,5)	222 (+20,9)

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Nhóm hàng thủy sản

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Hàn Quốc

(Đơn vị: 1.000 USD, %)

	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Kim ngạch	116.597	127.953	142.147	162.109	210.787	274.968	301.832	312.844	388.650	490.261
Tăng/giảm	6,0	9,7	11,1	14,0	30,0	30,4	9,8	3,6	42,2	26,1

Gỗ và sản phẩm gỗ

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc

(Đơn vị: 1.000 USD, %)

	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Kim ngạch	24,810	24,360	32,004	49,678	65,718	84,443	101,521	95,130	138,476	183,478
Tăng/giảm		-1.8	31.4	55.2	32.3	28.5	20.2	-6.3	45.6	32.5

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Cà phê

Nhập khẩu Cà phê của Hàn Quốc

TT	Nước xuất khẩu	Giá trị	Lượng
	Tổng cộng	371,612	111,624,760
1	Colombia	65,661	14,388,649
2	Brazil	62,104	19,966,205
3	Viet Nam	51,143	33,638,551
4	Honduras	40,901	12,171,834
5	Peru	32,109	7,333,211
6	U.S.A	24,693	2,315,430
7	Guatemala	19,218	5,095,864
8	Indonesia	11,082	5,978,861
9	Italy	10,814	833,782
10	Ethiopia	10,136	2,908,512

Nhập khẩu Cà phê của Hàn Quốc từ Việt Nam

Năm	Giá trị	Lượng
2000	17,170	18,984,035
2001	14,062	27,765,738
2002	13,533	29,951,568
2003	23,611	34,779,134
2004	23,996	35,883,505
2005	29,367	35,927,694
2006	48,138	41,001,163
2007	63,172	39,076,235
2008	100,703	47,133,767
2009	55,974	33,364,137
2010	51,143	33,638,551

Nguồn: Hiệp hội thương mại quốc tế Hàn Quốc
KITA, 2010, Đơn vị: US\$1,000, Kg

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Cao su

Nhập khẩu Cao su của Hàn Quốc

TT	Nước xuất khẩu	Giá trị	Lượng
	Tổng cộng	1,195,001	402,140,339
1	Thailand	547,309	182,295,739
2	Indonesia	367,748	125,486,507
3	Malaysia	150,335	49,532,048
4	Viet Nam	89,746	32,054,837
5	Philippines	17,944	5,649,690
6	Myanmar	6,721	2,419,200
7	Sri Lanka	1,645	473,695
8	Pr.China	1,411	446,519
9	Mexico	460	48,179
10	Guatemala	367	32,143

Nhập khẩu Cao su của Hàn Quốc từ Việt Nam

Năm	Giá trị	Lượng
2000	10,061	16,826,920
2001	11,589	22,101,675
2002	15,565	25,609,640
2003	22,276	26,966,478
2004	28,183	27,650,373
2005	32,100	29,387,490
2006	48,740	31,136,955
2007	65,388	36,575,892
2008	68,732	31,382,715
2009	42,654	28,513,627
2010	89,746	32,054,837

Nguồn: Hiệp hội thương mại quốc tế Hàn Quốc
KITA, 2010, Đơn vị: US\$1,000, Kg

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

Nhóm hàng thủy sản

Các cam kết mở cửa thị trường Hàn Quốc theo AKFTA đã phát huy tác dụng trong những năm đầu thực hiện. Tuy nhiên, do cơ chế hạn ngạch thuế quan, tốc độ tăng xuất khẩu bị hạn chế những năm sau, không tương xứng với tiềm năng thương mại hai bên.

Nhóm hàng nông sản

Đây là nhóm hàng Việt Nam có thế mạnh như chè, hạt tiêu, cà phê, hoa quả,... nhưng các cam kết của Hàn Quốc với nhóm hàng này rất hạn chế, nhiều sản phẩm của Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu kiểm dịch nên kết quả xuất khẩu vào Hàn Quốc chưa được như mong muốn.

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

- **Việc thực thi AKFTA đã góp phần tích cực vào kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đối với một số mặt hàng như thủy sản, dệt may... Tuy nhiên, các mặt hàng nông sản vẫn chưa có cải thiện đáng kể.**
- **Tăng cường hợp tác hiệu quả hơn nữa về các vấn đề SPS giữa các cơ quan liên quan của hai nước sẽ tạo thuận lợi hóa hơn cho trao đổi thương mại nông lâm thủy sản giữa hai nước.**
- **Hai bên cần tiếp tục tiến hành thảo luận để thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, bao gồm cả nông thủy sản.**

Phần 2: Tác động của AKFTA tới quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước

- Kết luận

AKFTA hiện nay là văn bản pháp lý toàn diện nhất cho quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc

AKFTA đã có một số tác động tích cực lên hai nước, mức tác động lên hai nước khác nhau phụ thuộc vào trình độ phát triển, cơ cấu và khả năng hấp thụ của nền kinh tế.

AKFTA cũng có những hạn chế trong việc cân bằng thương mại song phương, do bị ảnh hưởng phần lớn bởi cấu trúc kinh tế khác nhau và việc gia tăng đầu tư của Hàn Quốc sang Việt Nam.

Phần 3: Đàm phán FTA Việt Nam – Hàn Quốc

Quá trình triển khai đàm phán Hiệp định FTA song phương Việt Nam – Hàn Quốc

“Hai bên nhất trí trao đổi ý kiến về việc thành lập Nhóm công tác chung để nghiên cứu khả năng thúc đẩy và tính khả thi của “Hiệp định thương mại tự do Hàn Quốc-Việt Nam”(10/2009, Hà Nội)

Thành lập Nhóm Công tác chung về FTA Việt Nam – Hàn Quốc (3/2010)

Đơn vị chủ trì phía Việt Nam: Bộ Công Thương

Đơn vị chủ trì phía Hàn Quốc: Bộ Ngoại giao và Thương mại

Hai bên đã tổ chức 6 Phiên họp của Nhóm Công tác chung (6/2010-10/2011)

Hoàn thành Báo cáo chung và xem xét khả năng đàm phán Hiệp định FTA song phương”
(11/2011, Seoul)

Hai bên nhất trí sẽ khởi động đàm phán chính thức sau khi hoàn thành các thủ tục nội bộ cần thiết tại mỗi nước (Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức Hàn Quốc (3/2012)

Hai bên đã khởi động đàm phán ngày 06/8/2012 tại Hà Nội và đàm phán Phiên thứ 1 ngày 03-04/9/2012 tại Seoul Hàn Quốc



Trân trọng cảm ơn!

XIN CẢM ƠN

Liên hệ :

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà
Nội, 49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)